TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày 19/02/2020
"V/v tranh chấp HĐ vay tài sản và hợp đồng góp họ (hụi)".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1- Ông Bùi Minh Cảnh.

2- Bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2019, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và hợp đồng góp họ (hụi)" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2020/TB-TĐTGMPT ngày 17 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc H, sinh ngày 25/9/1979 (có mặt).

- Bị đơn:

1- Bà Lê Thị M, sinh năm 1974 (có mặt).

2- Ông Lê Văn U, sinh năm 1973 (là chồng của bà M vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã N.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Ngọc H trình bày và yêu cầu như sau: Vợ chồng bà Lê Thị M và ông Lê Văn U có hỏi vay tiền và tham gia chơi hụi của chị cụ thể như sau:

- Về khoản tiền vay trả góp hai bên thỏa thuận với nhau là 10.000.000đ mỗi ngày góp 500.000đ/ ngày, trong vòng 22 ngày là đủ số tiền 10.000.000đ cụ thể như sau:

+ Ngày 06/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã trả góp được 19 ngày số tiền là 9.500.000đ, còn 03 ngày chưa góp là 1.500.000đ.

+ Ngày 09/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã trả góp được 14 ngày số tiền là 7.000.000đ, còn 06 ngày chưa góp là 3.000.000đ.

+ Ngày 10/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 6.000.000đ, đã trả góp được 15 ngày số tiền là 4.500.000đ, còn 07 ngày chưa góp là 2.100.000đ.

+ Ngày 11/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã trả góp được 14 ngày số tiền là 7.00.000đ, còn 07 ngày chưa góp là 3.500.000đ.

+ Ngày 12/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã trả góp được 13 ngày số tiền là 6.500.000đ, còn 09 ngày chưa góp là 4.500.000đ.

+ Ngày 25/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã trả góp được 08 ngày số tiền là 4.000.000đ, còn 14 ngày chưa góp là 7.000.000đ.

- Về khoản tiền vay ngày hai bên thỏa thuận lãi suất lãi suất là 01 ngày là 20.000đ/1.000.000đ cụ thể như sau:

+ Ngày 03/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 15 ngày số tiền là 3.000.000đ. Từ ngày 17/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 08/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 20 ngày số tiền là 4.000.000đ. Từ ngày 27/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 09/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 20 ngày số tiền là 4.000.000đ. Từ ngày 28/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 12/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 15 ngày số tiền là 3.000.000đ. Từ ngày 27/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 17/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 27/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 17/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 5.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 27/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 16/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 26/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 17/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 15 ngày số tiền là 3.000.000đ. Từ ngày 02/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi

cho đến nay.

+ Ngày 17/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 15 ngày số tiền là 3.000.000đ. Từ ngày 02/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 18/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ đã đóng lãi được 15 ngày số tiền là 3.000.000đ. Từ ngày 03/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 19/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 29/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 19/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 29/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 19/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 29/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 19/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 29/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 19/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 3.000.000đ. Từ ngày 29/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 20/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 30/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 20/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 12 ngày số tiền là 2.400.000đ. Từ ngày 02/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 21/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 01/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 20/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 6.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 1.200.000đ. Từ ngày 30/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 22/8/2019 âm lịch bà M vay 05 lần số tiền 50.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 10.000.000đ. Từ ngày 02/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 23/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 03/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 23/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 03/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 23/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 03/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 23/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 8 ngày số tiền là 1.600.000đ. Từ ngày 01/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 23/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 12 ngày số tiền là 2.4000.000đ. Từ ngày 04/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 23/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 5.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 1.000.000đ. Từ ngày 28/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 23/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 03/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 23/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 03/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 24/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 8 ngày số tiền là 1.600.000đ. Từ ngày 01/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 24/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 5.000.000đ, đã đóng lãi được 5 ngày số tiền là 500.000đ. Từ ngày 29/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 24/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 5.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 1.000.000đ. Từ ngày 03/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 24/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 03/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

+ Ngày 24/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 10.000.000đ, đã đóng lãi được 10 ngày số tiền là 2.000.000đ. Từ ngày 03/9/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi

cho đến nay.

+ Ngày 13/8/2019 âm lịch bà M vay số tiền 6.000.000đ, đã đóng lãi được 15 ngày số tiền là 1.800.000đ. Từ ngày 28/8/2019 âm lịch nghỉ đóng lãi cho đến nay.

Như vậy, tổng cộng bà M còn nợ chị các khoản tiền vay nợ gốc là 373.000.000đ.

- Ngoài ra bà M còn tham gia vô hụi của chị cụ thể như sau:

+ Chưng hụi nữa tháng xổ lần số tiền là 500.000đ, có 40 người tham gia, áp ngày 10/3/2019 âm lịch, xổ được 02 lần thì bà Mười hốt số tiền là 11.700.000đ, bà M đóng hụi lại được 15 lần thì nghỉ đóng hụi cho đến nay. Bà M còn nợ lại 25 lần số tiền là 12.500.000đ.

+ Chưng hụi nữa tháng xổ lần số tiền là 1.000.000đ, có 26 người tham gia, áp ngày 30/5/2019 âm lịch, xổ được 01 lần thì bà M hốt số tiền là 17.500.000đ, bà M đóng hụi lại được 08 lần thì nghỉ đóng hụi cho đến nay. Bà M còn nợ lại 18 lần số tiền là 18.000.000đ.

Như vậy, tổng cộng bà M còn nợ chị tiền hụi là 30.500.000đ.

Chị Hưỡng thừa nhận việc vay nợ và chơi hụi nêu trên chỉ có bà M là người trực tiếp giao dịch và nhận tiền, còn ông Lê Văn U chồng bà M hoàn toàn không biết. Vì vậy, chị H chỉ yêu cầu bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho chị số tiền vay nợ gốc là 300.000.000đ và tiền hụi 30.500.000đ là dứt điểm. Chị không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Lê Thị M trình bày: Bà M thừa nhận có hỏi vay tiền và tham gia chơi hụi của chị H nêu trên là hoàn toàn đúng. Mỗi lần hỏi vay và tham gia chơi hụi chỉ có mình bà trực tiếp giao dịch, nhận tiền với chị H và việc vay nợ và chơi hụi cho cá nhân của bà, mỗi lần hỏi nợ đều có làm biên nhận nợ. Còn ông Lê Văn U chồng bà hoàn toàn không hay biết nên ông U không có trách nhiệm trả các khoản nợ này.

Nay bà thừa nhận và đồng ý trả cho chị H số tiền hụi là 30.500.000đ và trả tiền vay nợ gốc là 300.000.000đ. Đối với số tiền mà bà đã đóng lãi cho chị H trước đây thì bà cũng không yêu cầu tính lại để giải quyết.

Do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng là 400.000đ cho đến khi dứt nợ.

Tại biên bản hòa giải ngày 02/01/2020, ông Lê Văn U trình bày: Việc bà M vay nợ và chơi hụi của chị H là ông hoàn toàn không biết nên không đồng ý cùng bà M trả mà bà M có trách nhiệm trả cho chị H.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Ngọc H vẫn giữ nguyên ý kiến và chỉ yêu cầu bà Lê Thị M trả cho chị một lần tiền vay nợ gốc 300.000.000đ và tiền hụi

30.500.000đ là dứt điểm. Chị không yêu cầu tính lãi và cũng không yêu cầu ông U cùng trả nợ cho chị.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Lê Thị M đồng ý theo yêu cầu của chị H là một mình bà có trách nhiệm trả nợ cho chị H tổng cộng số tiền 330.500.000đ. Trong đó tiền vay là 300.000.000đ và tiền hụi là 30.500.000đ. Bà không yêu cầu tính lãi lại mà bà đã trả cho chị H trước đấy. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên bà xin trả dần cho chị H mỗi tháng là 400.000đ cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của đương sự đối nội dung về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp họ (hụi)" và bị đơn có nơi cư trú trên địa phận hành chính của huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và các điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Phần thủ tục tố tụng: Đối với ông Lê Văn U đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, ông U đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với ông Lê Văn U theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy yêu cầu của chị Lê Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp họ (hụi) đối với bà Lê Thị M và ông Lê Văn U là có căn cứ. Bởi vì, việc vay nợ và chơi hụi giữa chị H và bà M đã tự thỏa thuận và đều có làm biên nhận nợ do bà M trực tiếp giao dịch và nhận tiền việc này được thể hiện tại biên bản hòa giải ngày 02/01/2020 và cũng như tại phiên tòa hôm nay chị H và bà M cũng thừa nhận và đã thỏa thuận trả nợ với nhau là bà M trả cho chị H tổng cộng số tiền vay và tiền hụi là 330.500.000đ. Trong đó tiền vay là 300.000.000đ và tiền hụi là 30.500.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

Riêng đối với ông Lê Văn U là chồng của bà M không biết việc bà M vay nợ và chơi hụi, hơn nữa chị H và bà M cũng không yêu cầu ông U trả khoản nợ này nên Hội đồng xét xử ghi nhận không buộc ông U có trách nhiệm cùng trả số nợ này cho chị H.

Về thời gian trả nợ, do hai bên không thỏa thuận được là: Chị H yêu cầu bà M trả số nợ trên một lần là dứt điểm. Còn bà M xin trả dần mỗi tháng 400.000đ cho đến khi dứt nợ trên. Xét thấy, việc yêu cầu trả nợ của bà M là không có cơ sở

chấp nhận, Bởi vì, số tiền nợ quá nhiều mà trả mỗi tháng 400.000đ sẽ kéo dài thời gian làm thiệt thòi cho chị H

Về lãi suất do, chị H không yêu cầu bà M trả lãi suất và bà M cũng không có yêu cầu tính lại số tiền lãi mà bà đã trả cho chị H trước đây nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của chị H được chấp nhận nên bà Lê Thị M phải chịu tiền án phí là 330.500.000đ x 5% = 16.525.000đ. Nhưng xét thấy bà M thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Lê Thị M.

Hoàn trả lại cho chị Lê Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.575.000đ , theo lai thu số 0001949 ngày 15/7/2019 của Chi cục Thị hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của chính phủ về họ, hụi, biêu phường và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26, điểm a, c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc H về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp họ (hụi) đối với bà Lê Thị M.

Buộc bà Lê Thị M trả cho chị Lê Ngọc H tổng cộng số tiền là 330.500.000đ (ba trăm ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng). Trong đó tiền vay là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và tiền hụi là 30.500.000đ (ba mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án mà bà M không trả hoặc trả không đủ số tiền cho chị H thì bà M còn phải trả thêm lãi cho chị H theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn lại.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn toàn bộ tiền án phí cho bà Lê Thị M.

Hoàn trả lại cho chị Lê Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.575.000đ (mười triệu năm trăm bảy mười lăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008206 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thị hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị H và bà M có mặt biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 19/02/2020). Đối với ông Lê Văn U vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- VP ĐKĐĐ huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu V. phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm